

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 06 tháng 8 năm 2020 đến ngày 12 tháng 8 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Đồng Xoài	175,1	1048,6	- 14,5	- 38,4	- 5,8	- 22,8	+ 2,4	83,8
Bình Long	58,8	1029,6	+ 14,1	+ 35,1	+ 59,1	- 22,6	- 5,5	63,4
Bù Đăng	80,2	1053,6	- 20,9	- 14,1	- 34,5	- 33,5	- 10,2	86,4
Bù Đốp	119,8	1173,8	- 11,0	+ 46,5	+ 100,2	+ 17,5	+ 39,1	112,8
Lộc Ninh	80,0	663,0	- 33,0	- 17,0	- 38,7	- 73,4	- 4,9	82,0
Phước Hòa	90,9	770,3	- 19,9	+ 13,8	+ 13,7	- 31,3	- 0,5	66,7
Phước Long	82,4	939,6	- 30,4	- 28,3	- 29,9	- 47,7	- 8,8	91,9
Trị An	43,9	615,2	- 38,2	- 47,5	- 27,2	- 31,3	- 30,9	61,0
Trung bình	91,4	911,7	- 19,2	- 6,2	+ 4,6	- 30,6	- 2,4	81,0

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích tuần qua trung bình tại các trạm đo khoảng 91,4 mm, thấp hơn TBNN 19,2%, thấp hơn năm 2019 là 6,2%, cao hơn 4,6% so với năm 2018, thấp hơn 30,6% so với năm 2017 và thấp hơn 2,4% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Đồng Xoài (175,1 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Trị An (43,9 mm). Do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, cục bộ tại trạm Bù Đốp có mưa to ngày 31/7 với vũ lượng 77 mm và mưa to ngày 05/8 với vũ lượng 60 mm (tỉnh Bình Phước).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 81,0 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	17,14	80,47	0	+ 15,0	+ 5,9	- 19,5	Tăng	99,70
Hồ NT6	2,75	2,34	85,01	- 10,6	- 1,2	- 15,0	- 15,0	Tăng	100,00
Hồ NT9	1,97	1,64	83,24	- 11,2	- 2,8	- 16,8	- 16,8	Tăng	100,00
Hồ NT8	1,3	1,11	85,48	- 12,7	- 7,8	- 14,5	- 14,5	Tăng	100,00
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,59	91,44	- 5,4	- 8,6	- 8,6	- 8,6	Tăng	100,00
Hồ Lộc Quang	5,826	4,12	70,73	- 17,9	- 3,3	- 29,3	- 29,3	Tăng	90,57
Hồ Tân Lợi	2,87	2,87	100,00	+ 3,6	0	0	0	Tăng	100,00
Hồ Suối Ông	0,386	0,11	29,42	- 67,4	- 40,0	- 70,6	- 70,6	Tăng	82,36
Hồ Bầu Úm	1,58	1,03	65,30	- 24,8	- 15,6	- 21,7	- 23,1	Tăng	79,63
Hồ NT 4	2,615	2,44	93,14	- 3,0	- 4,2	- 6,9	- 6,9	Tăng	100,00
Đập Thọ Sơn	0,963	0,81	83,96	- 14,9	- 16,0	- 16,0	- 16,0	Tăng	100,00
Hồ Đồng Xoài	9,66	6,68	69,11	- 12,4	+ 23,8	- 30,6	- 31,0	Tăng	99,61
Hồ Bù Môn	0,2	0,20	100,00	+ 16,3	0	+ 300,0	0	Tăng	100,00
Hồ Sa Cát	1,327	1,33	100,00	+ 2,1	0	+ 5,9	- 0,0	Tăng	100,00
Hồ An Khương	2,6	1,11	42,61	- 43,9	- 31,3	- 46,5	- 57,5	Tăng	87,64
Hồ Ông Thoại	1,765	1,64	93,08	- 3,2	- 6,9	- 6,9	- 6,9	Tăng	100,00
Hồ Cần Đơn	165,49	121,88	73,65	- 3,6	+ 16,0	- 18,4	- 19,3	Tăng	87,26
Trung bình/Tổng	224,342^(*)	168,03	74,90	- 12,3	- 4,9	+ 0,6	- 19,7		89,99

Ghi chú: "+", "-" Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là **224,342** triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 05/8/2020 ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 168,03 triệu m³ (đạt 74,90% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2018, thấp hơn cùng kỳ so với năm 2017, năm 2019 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTTK như: hồ Suối Ông (dung tích trữ chỉ đạt 29,42% DTTK).

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 8 của vụ Hè Thu năm 2020 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **2,20** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2020				
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 8 cho vụ Hè Thu năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		384,00	50,00	1.362,0	23	2,20
1	Hồ Suối Giai		50,0	130,0	3	0,05
2	Hồ NT6		0	10	0	0,00
3	Hồ NT9		0	30	0	0,02
4	Hồ NT8		0	25	0	0,01
5	Hồ NT2 - Đ7		0	40	0	0,02
6	Hồ Lộc Quang	130	0	270	4	0,22
7	Hồ Tân Lợi		0	70		0,13
8	Hồ Suối Ông	10	0	0	1	0,01
9	Hồ Bàu Úm	4	0	0	2	0,01
10	Hồ NT 4		0	150	0	0,07
11	Đập Thọ Sơn		0	70	0	0,06
12	Hồ Đồng Xoài		0	44	8	0,96
13	Hồ Bù Môn		0	0	0	0,00
14	Hồ Sa Cát		0	60	0	0,11
15	Hồ An Khương	110	0	33	2	0,14
16	Hồ Ông Thoại		0	30	0	0,13
17	Hồ Cần Đơn	130	0	400	3	0,27

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 8 năm 2020 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Suối Giai	4,62
2	Hồ NT6	2,27
3	Hồ NT9	1,30
4	Hồ NT8	4,48
5	Hồ NT2 - Đ7	0,93
6	Hồ Lộc Quang	3,69
7	Hồ Tân Lợi	2,56
8	Hồ Suối Ông	0,18
9	Hồ Bàu Úm	0,44
10	Hồ NT 4	3,19
11	Đập Thọ Sơn	0,46
12	Hồ Đồng Xoài	3,32
13	Hồ Bù Môn	16,57
14	Hồ Sa Cát	0,65
15	Hồ An Khương	0,84
16	Hồ Ông Thoại	1,48
17	Hồ Cần Đơn	304,96

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 8 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 06/8/2020 đến ngày 12/8/2020 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bàu Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Càn Đơn, hồ Bù Môn.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020 từ ngày 06/8/2020 đến 12/8/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	80,47	183	83,47	100	183	Đủ nước
Hồ NT6	85,01	10	88,22	100	10	Đủ nước
Hồ NT9	83,24	30	88,03	100	30	Đủ nước
Hồ NT8	85,48	25	90,92	100	25	Đủ nước
Hồ NT2 - Đ7	91,44	40	92,87	100	40	Đủ nước
Hồ Lộc Quang	70,73	404	75,61	100	404	Đủ nước
Hồ Tân Lợi	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Suối Ông	29,42	11	37,26	100	11	Đủ nước
Hồ Bàu Úm	65,30	6	69,82	100	6	Đủ nước
Hồ NT 4	93,14	150	94,51	100	150	Đủ nước
Đập Thọ Sơn	83,96	70	87,17	100	70	Đủ nước
Hồ Đồng Xoài	69,11	52	74,43	100	52	Đủ nước
Hồ Bù Môn	100,00	0	100,00	100	0	Đủ nước
Hồ Sa Cát	100,00	60	100,00	100	60	Đủ nước
Hồ An Khương	42,61	145	45,26	100	145	Đủ nước
Hồ Ông Thoại	93,08	30	94,24	100	30	Đủ nước
Hồ Càn Đơn	73,65	533	74,87	100	533	Đủ nước
Trung bình/Tổng	74,90	1.819,0^(*)	76,68	100	1.819,0^(*)	

Ghi chú: ^(*) Giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đăng	1031,5	+ 74,7	- 29	- 55	Rủi ro hạn thấp
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riêng					

	Đakia – Bù Đốp					
Đòng Xoài	Đòng Tâm – Đòng Phú		1132,4	+ 54	- 14	- 40
	Mình Hưng – Chơn Thành					
Trung bình			1081,9	+ 64,1	- 21	- 48
						Rủi ro hạn thấp

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 21%, cao hơn 64,1% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Khu vực hiện tại đang trong mùa mưa, tuần qua tiếp tục phổ biến có mưa nhỏ đến mưa vừa, vài nơi có mưa to, nên khả năng xảy ra hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bầu. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1.819	384	1.435					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 12/8/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 172,03 triệu m³ (chiếm 76,68% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 12/8/2020 không thay đổi.

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu, Mùa 2020, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các khu vực có công trình thủy lợi, cần tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên từ ao, hồ, sông suối, kênh rạch để cung cấp cho sản xuất Hè Thu, tiết kiệm nguồn nước từ các hồ chứa thủy lợi để dành cung cấp cho cả vụ Mùa; (2) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước;

(3) Xây dựng phương án phòng, chống úng, ngập, đề phòng ngập úng cục bộ do mưa lớn, bảo đảm chủ động ứng phó, bảo vệ sản xuất nông nghiệp và dân sinh; (4) Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ. (5) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 13/8/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG